

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 1/12

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC CẤP TẠI VAN CHẶN TUYẾN ĐẦU VÀO CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH, KCN NHƠN TRẠCH 3, KCN ĐỆT MAY NHƠN TRẠCH (KCN VINATEX - TÂN TẠO), KCN NHƠN TRẠCH 6, CÔNG TY TNHH MTV ĐPTT VÀ KCN IDICO, KCN NHƠN TRẠCH 5
Thời gian lấy mẫu / *Sampling date* 09h30, 02/04/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: 2 bình nhựa, chai nhựa / *Container: plastic bottle, plastic vial*
- Số đơn vị/mẫu: 10 L x 01 + 1,5 L x 01 / *Unit/sample: 10 L x 01 + 1,5 L x 01*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 02/04/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 02/04/2026 - 14/04/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HỒ CẦU MỚI
Lầu 1, Tòa nhà KCN Nhơn Trạch 6, Xã Phước An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026
Trang/ Page: 2/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Hàm lượng xylene Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	-	-	500
7.3.1	Hàm lượng o-Xylene o-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.3.2	Hàm lượng m+p-Xylene m+p-Xylene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.4	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất DDTs content	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-	1
7.4.1	Hàm lượng 4,4'-DDT 4,4'-DDT content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.4.2	Hàm lượng 4,4'-DDD 4,4'-DDD content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.4.3	Hàm lượng 4,4'-DDE 4,4'-DDE content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	-
7.5	Hàm lượng Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s-triazine derivatives content	-	US EPA 536	-	-	100
7.5.1	Atrazine-desisopropyl Atrazine-desisopropyl	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 3/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.5.2	Atrazine-desethyl-desisopropyl <i>Atrazine-desethyl-desisopropyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	7	-
7.5.3	Atrazine-desethyl <i>Atrazine-desethyl</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.5.4	Atrazine <i>Atrazine</i>	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	-
7.6	Hàm lượng tổng trichlorobenzene <i>Total Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	-	-	20
7.6.1	1,3,5-trichlorobenzene <i>1,3,5 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.6.2	1,2,3-trichlorobenzene <i>1,2,3 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.6.3	1,2,4-trichlorobenzene <i>1,2,4 Trichlorobenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	-
7.7	Hàm lượng antimon (Sb) <i>Antimony content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,02
7.8	Hàm lượng bari (Ba) <i>Barium content</i>	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01	1,3
7.9	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) <i>Boron content (Boron and boric acid)</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4
7.10	Hàm lượng cadmi (Cd) <i>Cadmium content</i>	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 4/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.11	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.12	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	8,5	-	250 hoặc 300
7.13	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.14	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1
7.15	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	32,3	-	300
7.16	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	1,5
7.17	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.18	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,1
7.19	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,69	-	200
7.20	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA 200.8	0,04	-	0,2
7.21	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.22	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03	11

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026
Trang/ Page: 5/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.23	Hàm lượng nitrit (NO_2^- tính theo N) Nitrite (NO_2^- as N) content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.24	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,3
7.25	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,04
7.26	Hàm lượng sulfate (SO_4^{2-}) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-	250
7.27	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) Sulfide content	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-} -D:2023	KPH	0,02	0,05
7.28	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001
7.29	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	52,2	-	1.000
7.30	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,05
7.31	Hàm lượng 1,1,1-trichloroethane 1,1,1-trichloroethane content	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3	2.000
7.32	Hàm lượng 1,2-dichloroethane 1,2-dichloroethane content	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8260D	KPH	0,3	30

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 6/12

STT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test Result</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Mức chất lượng <i>Quality Level</i>
7.33	Hàm lượng 1,2- dichloroethane <i>1,2-dichloroethene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50
7.34	Hàm lượng carbon tetrachloride <i>Carbontetra chloride content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	2
7.35	Hàm lượng dichloromethane <i>Dichloromethane content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	1,5	20
7.36	Hàm lượng Tetrachloroethene <i>Tetrachloroethene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.37	Hàm lượng Trichloroethene <i>Trichloroethene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8
7.38	Hàm lượng vinyl chloride <i>Vinyl chloride content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,3
7.39	Hàm lượng benzen <i>Benzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	10
7.40	Hàm lượng ethylbenzen <i>Ethylbenzene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.41	Hàm lượng Pentachlorophenol <i>Pentachlorophenol content</i>	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	2	9
7.42	Hàm lượng Styrene <i>Styrene content</i>	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	20

I. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026
Trang/ Page: 7/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.43	Hàm lượng Toluene Toluene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	700
7.44	Hàm lượng 1,2-dichlorobenzene 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	1.000
7.45	Hàm lượng monochlorobenzene Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	300
7.46	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224:2024	KPH	0,1	0,5
7.47	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	0,4
7.48	Hàm lượng hexachlorobutadiene Hexachlorobutadiene content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,13	0,6
7.49	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-chloropropane 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07	1
7.50	Hàm lượng 1,2-dichloropropane 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	40
7.51	Hàm lượng 1,3-dichloropropane 1,3-dicloropropan content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	20
7.52	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026
Trang/ Page: 8/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.53	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	90
7.54	Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.55	Hàm lượngaldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.56	Hàm lượngcarbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	5
7.57	Hàm lượngchlorpyrifos Chlorpyrifos content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5	30
7.58	Hàm lượngchlordan Chlordane content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	0,2
7.59	Hàm lượngchlorotoluron Chlorotoluron content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	30
7.60	Hàm lượngcyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2	0,6
7.61	Hàm lượngdichlorprop (2,4-DP) Dichlorprop ((2,4-DP) content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	100
7.62	Hàm lượngfenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9
7.63	Hàm lượngHydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7	200
7.64	Hàm lượngIsoproturon Isoproturon content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	9

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/04/2026

Trang/ Page: 9/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.65	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.66	Hàm lượng Mecoprop (MCP) Mecoprop content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	10
7.67	Hàm lượng Methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.68	Hàm lượng molinate Molinate content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	6
7.69	Hàm lượng Pendimethalin Pendimethalin content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	3,3	20
7.70	Permethrin Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1	20
7.71	Hàm lượng Propanil Propanil content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7	20
7.72	Hàm lượng Simazine Simazine content	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3	2
7.73	Hàm lượng Trifluralin Trifluralin content	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05	20
7.74	Hàm lượng 2,4,6-trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226:2024 (Ref. US EPA 8321B)	KPH	13	200
7.75	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	4	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 10/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.76	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QUATEST3 1225:2024	KPH	100	500
7.77	Hàm lượng monochloramine Monochloramine content	µg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	20	3.000
7.78	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	5,0	-	60
7.79	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100
7.80	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA 8260D	20,7	-	300
7.81	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100
7.82	Hàm lượng dibromoacetonitrile Dibromoacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70
7.83	Hàm lượng dichloroacetonitrile Dichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	2,3	-	20
7.84	Hàm lượng Trichloroacetonitrile Trichloroacetonitrile content	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 11/12

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.85	Hàm lượng acid monochloroacetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	20
7.86	Hàm lượng acid dichloroacetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	13,9	-	50
7.87	Hàm lượng acid trichloroacetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA 552.3	22,9	-	200
7.88	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1
7.89	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1

Ghi chú / Notes:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C035842
(MTTN26005054.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/04/2026

Trang/ Page: 12/12

- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.